

Bản án số: 87/2023/HS-ST
Ngày 26-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh PH

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Mạnh

Ông Trần Ngọc Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hán – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 05 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. **Vũ Ngọc T**, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1985, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Úc Gián, xã TT, huyện KT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Ngọc P (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1946; gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1986 (đã ly hôn năm 2019) và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án; tiền sự: Không; tạm giữ ngày 21/12/2022 đến ngày 30/12/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn - Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

2. **Nguyễn Đức T1**, sinh ngày 05 tháng 08 năm 1982, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Lật Dương, xã Quang Phục, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1955; gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là thứ ba; có vợ là Đỗ Thị H, sinh năm 1982 và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 21/12/2022 đến ngày 30/12/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn - Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

Bị hại: Công ty TNHH B, Hải Phòng; địa chỉ: Đường 355, khu Tiểu Trà, phường Đ, quận DK, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật: Bà XL, chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980; nơi cư trú: 302 lô 9 mở rộng, tổ 13, phường ĐH, quận HA, thành phố Hải Phòng; chức vụ: Trưởng phòng hành chính nhân sự (Theo giấy ủy quyền Số 011222/UQ-PTGD ngày 05/12/2022); vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Ngọc T là lái xe nâng của Công ty TNHH B, Hải Phòng (100% vốn nước ngoài, viết tắt là Công ty), địa chỉ: đường 355, Khu Tiểu Trà, phường Đ, quận DK, thành phố Hải Phòng. Quá trình làm việc, T phát hiện việc quản lý hàng tại kho thành phẩm của Công ty lỏng lẻo nên nảy sinh ý định trộm cắp hàng về để sử dụng. Khoảng 13 giờ ngày 04 tháng 12 năm 2022, T lấy 07 thùng nền từ kho thành phẩm đặt lên phía sau xe nâng, dùng bạt xanh phủ lên rồi chở đến khu vực nhà phụ trợ để mang ra ngoài. Tại đây, T gặp Nguyễn Đức T1 cũng là công nhân của Công ty, T nhờ T1 ném giúp các thùng nền mà T trộm cắp được ra ngoài qua tường bao của Công ty. T1 nhận thức được T đang lấy trộm hàng của Công ty nhưng vẫn đồng ý giúp T đưa các thùng nền ra ngoài. Sau đó, T lái xe nâng quay lại kho thành phẩm lấy thêm 02 thùng carton chứa tinh dầu, nước xịt thơm rồi lại chở ra nhà phụ trợ và tiếp tục nhờ T1 cùng đưa ra bên ngoài tường bao. T tiếp tục lái xe nâng quay lại kho thành phẩm lấy 02 thùng carton chứa nền sập và chở ra nhà phụ trợ. Lúc này, T1 không còn ở đây nên T tự mình ném 02 thùng nền sập ra ngoài. Đến cuối giờ, T cho T1 150.000 đồng. Ngày 05 tháng 12 năm 2022, T chưa kịp mang số T1 sản trộm cắp về thì bị Công ty phát hiện và trình báo Công an quận DK.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường, Công an quận DK thu giữ 04 thùng nền trụ màu tím; 03 thùng nền trụ màu xanh dương; 01 thùng tinh dầu khu; 01 thùng nước xịt thơm và 02 thùng nền sập.

Tại Bản kết luận định giá T1 sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng định giá T1 sản trong tố tụng hình sự quận DK kết luận: 04 thùng nền trụ màu tím trị giá 1.888.935 đồng; 03 thùng nền trụ màu xanh dương trị giá 1.396.620 đồng; 01 thùng tinh dầu khuếch tán trị giá 702.672 đồng; 01 thùng nước xịt thơm trị giá 709.770 đồng; 02 thùng nền sập trị giá 702.673 đồng. Tổng giá trị T1 sản trộm cắp là 5.400.670 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 1019/KL-KTHS ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận đối với dữ liệu camera trong

USB Công ty giao nộp: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các tệp video. Video cho thấy hình ảnh Vũ Ngọc T lái xe nâng chở T1 sản trộm cấp phủ bạt phía sau xe và đi vào khu vực nhà phụ trợ.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, Vũ Ngọc T và Nguyễn Đức T1 đến Công an quận DK đầu thú.

Vật chứng của vụ án: Chuyển 04 thùng nền trụ màu tím, 03 thùng nền trụ màu xanh dương, 01 thùng tinh dầu, 01 thùng nước xịt thơm, 02 thùng nền sáp đèn Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng để chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty không còn yêu cầu bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 92/CT-VKS-P3 ngày 26 tháng 04 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Vũ Ngọc T và Nguyễn Đức T1 về tội “Trộm cắp T1 sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Ngọc T khai nhận bị cáo là công nhân của Công ty, làm công việc lái xe nâng vận chuyển hàng hoá thành phẩm để xuất hàng và sắp xếp trong các kho của Công ty. Khi làm việc tại kho thành phẩm của Công ty, bị cáo T thấy có một cao bản có chứa nhiều thùng carton đặt tại kho 6, bị cáo dùng xe nâng hạ xuống xem thì thấy bên trong là nền trụ, tinh dầu, nước xịt thơm, sáp nền nên đã nảy sinh trộm cắp số T1 sản này để mang về sử dụng. Ngày 04/12/2022, là ngày chủ nhật, bị cáo T được phân công đi làm chở hàng từ kho 6 lên kho 1 để chờ xuất. Khoảng 13h ngày 04/12/2022, lợi dụng lúc trong kho chỉ có hai công nhân làm việc nhưng không ai để ý đến bị cáo nên bị cáo T đã trộm cắp toàn bộ số T1 sản là nền trụ, tinh dầu, nước xịt thơm, sáp nền đúng như bản cáo trạng đã nêu. Trước khi trộm cắp các T1 sản này, bị cáo T không bàn bạc với bị cáo T1. Chỉ khi gặp bị cáo T1 tại nhà phụ trợ của Công ty thì bị cáo T có nói với bị cáo T1 đã lấy trộm T1 sản của Công ty, nhờ bị cáo T1 cùng bị cáo ném qua tường bao của Công ty ra phía ngoài ruộng, mục đích để giấu số T1 sản đã trộm cắp, khi thuận lợi sẽ đến lấy. Sau đó, khi bị cáo chưa kịp mang số T1 sản trộm cắp đi thì ngày 05/12/2022, Công ty đã phát hiện, báo cơ quan công an. Cuối ngày bị cáo T có đưa cho bị cáo T1 150.000.000 đồng, mục đích là để trả công cho bị cáo T1 đã giúp bị cáo hai lần vớt số T1 sản trộm cắp qua tường bao của Công ty.

Bị cáo T1 khai nhận, bị cáo là công nhân của Công ty, làm nhiệm vụ sửa chữa cao bản bị hỏng tại kho cao bản phía cuối trụ sở Công ty. Bị cáo biết T làm lái xe nâng tại bộ phận kho thành phẩm của Công ty. Trưa ngày 04/12/2022, do được bị cáo T nhờ nên bị cáo T1 đã hai lần ném thùng carton ra ngoài ruộng rau cạnh tường bao của Công ty số hàng hoá có trị giá 4.697.977 đồng. Bị cáo T1 nhận thức được các thùng carton này là hàng hoá thành phẩm của Công ty do bị cáo T đã trộm cắp. Bị cáo T1 đồng ý giúp bị cáo T vì sẽ được bị cáo T trả công. Sau đó, bị cáo T đã đưa cho bị cáo T1 số tiền là 150.000 đồng.

Ngay sau khi Công ty báo cơ quan Công an và đưa hình ảnh lên nhóm để truy tìm người trộm cắp, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo và đã cùng nhau bồi thường cho Công ty số tiền 10.000.000 đồng. Các bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được cải tạo ở ngoài xã hội để có cơ hội sửa chữa sai lầm trở thành công dân tốt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày quan điểm luận tội: Giữ nguyên nội dung truy tố bị cáo Vũ Ngọc T và bị cáo Nguyễn Đức T1 về tội Trộm cắp T1 sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T trộm cắp tổng T1 sản có trị giá 5.400.670 đồng, bị cáo T1 đồng phạm, giúp sức cho bị cáo T trộm cắp T1 sản có trị giá 4.697.977 đồng. Căn cứ hành vi, nhân thân, điều kiện phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo T và bị cáo T1 đã ra đầu thú; gia đình các bị cáo bồi thường thay cho các bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bố mẹ của bị cáo T đều có công với cách mạng, thuộc diện gia đình chính sách, bố bị cáo được hưởng trợ cấp hàng tháng nên bị cáo T còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Vũ Ngọc T với mức án tù 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng; bị cáo Nguyễn Đức T1 với mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Về dân sự: Công ty TNHH B, Hải Phòng không còn yêu cầu bồi thường nên không giải quyết. Về vật chứng của vụ án: Gồm 04 thùng nển trụ màu tím, 03 thùng nển trụ màu xanh dương, 01 thùng tinh dầu, 01 thùng nước xịt thơm, 02 thùng nển sáp Công ty từ chối nhận lại, không còn giá trị nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu huỷ - Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T1 liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người làm chứng; lời khai của bị hại; phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường lập ngày 05/12/2022 về thời gian, địa điểm phạm tội cũng như các tình tiết khác của vụ án. Lời khai đó còn phù hợp với bản Kết luận giám định số 1019/KL-KTHS ngày 14/4/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; Kết luận định giá T1 sản trong tố tụng hình sự số 22/KL-HĐĐGTS ngày 19/12/2022 của Hội đồng định giá T1 sản tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân quận DK. Lời khai của các bị cáo còn được chứng minh qua các T1 sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi. Theo kết luận của Hội đồng định giá: Tổng T1 sản bị cáo T trộm cắp có trị giá 5.400.670 đồng, bị cáo T1 đồng phạm, giúp sức cho bị cáo T trộm cắp T1 sản có trị giá 4.697.977 đồng. Như vậy, việc truy tố của Viện Kiểm sát đối với các bị cáo là có căn cứ và đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 13h00' ngày 04/12/2022, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý T1 sản của Công ty nên bị cáo T đã lén lút trộm cắp 04 thùng nền trụ màu tím, 03 thùng nền trụ màu xanh dương, 01 thùng tinh dầu, 01 thùng nước xịt thơm, 02 thùng nền sáp của Công ty. Tổng giá trị T1 sản chiếm đoạt là 5.400.670 đồng. Bị cáo T1 đồng phạm giúp sức cho bị cáo T trộm cắp 04 thùng nền trụ màu tím, 03 thùng nền trụ màu xanh dương, 01 thùng tinh dầu, 01 thùng nước xịt thơm, trị giá 4.697.977 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội trộm cắp T1 sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Hành vi đó của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến quyền sở hữu T1 sản của người khác, đặc biệt là T1 sản của các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại thành phố Hải Phòng; gây ảnh hưởng đến môi trường đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và tình hình trật tự trị an và nên cần phải được xử lý thỏa đáng.

[3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo T và bị cáo T1 đã ra đầu thú; gia đình các bị cáo đã bồi thường thay cho các bị cáo; bị hại có đơn đề nghị xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bố mẹ của bị cáo T đều có công với cách mạng, thuộc diện gia đình chính sách, bố bị cáo được hưởng trợ cấp hàng tháng nên bị cáo T còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có.

[5] Về nhân thân: Riêng bị cáo T, ngày 05/4/2017, Ủy ban nhân dân thị trấn Núi Đồi, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lăng mạ, xúc phạm, danh dự, nhân phẩm của người thi hành công vụ. Tuy nhiên, tiền sự này đã được xoá nên tại thời điểm phạm tội các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự.

[6] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo T là người thực hành tích cực, chủ động phạm tội. Bị cáo T1 là người được bị cáo T rủ rê, có vai trò giúp sức cho bị cáo T. Trị giá T1 sản bị cáo T trộm cắp cao hơn trị giá T1 sản bị cáo T1 trộm cắp, do vậy bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T1 – Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc phạm tội của các bị cáo có tính chất đơn giản, cơ hội, đồng phạm giản đơn. Các bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thực sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội mà có thể xem xét cho các bị cáo được cải tạo ở ngoài xã hội cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung (Điều 65 của Bộ luật Hình sự). Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung – phạt tiền. Xét thấy, hiện Công ty đã cho các bị cáo thôi việc, hiện là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về bồi thường dân sự: Sau khi phạm tội, gia đình của các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Công ty số tiền 10.000.000 đồng. Hiện Công ty không còn yêu cầu bồi thường nên không giải quyết.

[8] Về vật chứng vụ án: Gồm: 04 thùng carton, bên trong mỗi thùng có 04 cây nến trụ màu tím; 03 thùng carton, bên trong mỗi thùng có 03 cây nến trụ màu xanh dương; 01 thùng carton, bên trong có 05 chai thủy tinh chứa dung dịch nước sệt thơm; 01 thùng carton, bên trong có 03 hộp giấy, trong mỗi hộp giấy có 04 lọ thủy tinh chứa dung dịch tinh dầu; 01 hộp giấy bên trong có 03 lọ thủy tinh chứa dung dịch tinh dầu; 02 thùng carton bên trong mỗi thùng có 04 hộp giấy, trong mỗi hộp giấy có 03 cục nến sáp; 07 hộp giấy, trong mỗi hộp giấy có 03 cục nến sáp. Công ty xác nhận không còn giá trị tH mại, từ chối nhận lại nên cần tịch thu, tiêu huỷ – Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Các bị cáo T và T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326.

[10] Các bị cáo, bị hại đều được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt: Bị cáo Vũ Ngọc T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp T1 sản, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Vũ Ngọc T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn - Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Vũ Ngọc T.

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T1 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp T1 sản, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T1 cho Ủy ban nhân dân xã Quang Phục, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Đức T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn - Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Đức T1.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

3. Về vật chứng: Tuyên tịch thu, tiêu huỷ:

- 04 thùng carton, bên trong mỗi thùng có 04 cây nến trụ màu tím;
- 03 thùng carton, bên trong mỗi thùng có 03 cây nến trụ màu xanh dương;
- 01 thùng carton, bên trong có 05 chai thủy tinh chứa dung dịch nước sệt thơm;
- 01 thùng carton, bên trong có 03 hộp giấy, trong mỗi hộp giấy có 04 lọ thủy tinh chứa dung dịch tinh dầu;
- 01 hộp giấy bên trong có 03 lọ thủy tinh chứa dung dịch tinh dầu;
- 02 thùng carton bên trong mỗi thùng có 04 hộp giấy, trong mỗi hộp giấy có 03 cục nến sáp;
- 07 hộp giấy, trong mỗi hộp giấy có 03 cục nến sáp.

(Quyết định chuyển vật chứng số 85/QĐ-VKS-P3 ngày 27/4/2023; Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/4/2023).

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Vũ Ngọc T và bị cáo Nguyễn Đức T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Vũ Ngọc T và bị cáo Nguyễn Đức T1 đều có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, bị hại - Công ty TNHH B, Hải Phòng được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

(Đã giải thích án treo)

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Bị hại;
- UBND xã ThuậnThiên, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng;
- UBND xã Quang Phục, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

Trần Minh PH